

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐÀU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Trung	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên	
Bà Tô Ngọc Tuyết	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2017
Ông Mai Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thăng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Hà Thị Thanh Hào	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu lưh lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và thực thi kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
 - Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
 - Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
 - Nếu rã các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
 - Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 26/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 05 tháng 05 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính xét cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		465.049.479.246	462.427.629.635
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.145.680.189	124.655.804.185
111	1. Tiền		20.057.680.189	53.940.558.663
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.088.000.000	70.715.245.522
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	83.547.245.522	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.547.245.522	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		291.519.075.738	279.216.121.310
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	482.604.814.749	429.433.176.567
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.843.072.379	3.224.288.967
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.602.743.849	5.439.083.568
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(202.531.555.239)	(158.880.427.892)
140	IV. Hàng tồn kho	8	48.397.090.041	57.086.590.731
141	1. Hàng tồn kho		48.579.490.041	57.268.990.731
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(182.400.000)	(182.400.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.440.387.756	1.469.113.409
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	699.776.102	56.058.275
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		393.632.097	772.495.358
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	346.979.557	640.559.776
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		273.746.998.534	275.549.179.762
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.495.690.825	1.495.896.250
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.495.690.825	1.495.896.250
220	II. Tài sản cố định		34.725.689.927	36.159.544.275
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	10.043.265.363	11.477.119.711
222	- Nguyên giá		25.589.046.338	26.964.071.886
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.545.780.975)	(15.486.952.175)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	24.682.424.564	24.682.424.564
228	- Nguyên giá		25.210.609.564	25.595.609.564
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(548.245.000)	(913.245.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	152.585.421	271.642.329
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.393.037.519)	(17.273.980.611)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.366.624.105	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.366.624.105	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	186.404.172.668	186.810.413.800
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		672.340.926	904.093.412
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.436.887.831)	(3.262.399.186)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		49.602.235.588	50.811.683.108
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	41.341.509.722	40.485.775.776
269	2. Lợi thế thương mại		8.260.725.866	10.325.907.332
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		738.796.477.780	737.976.809.397

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		279.511.501.281	285.692.039.784
310	I. Nợ ngắn hạn		278.207.179.631	285.250.232.844
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	158.332.079.539	113.164.168.006
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	4.774.540.904	1.553.688.743
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	683.982.456	6.685.264.280
314	4. Phải trả người lao động		3.510.552.711	2.812.128.422
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.276.924.168	7.192.040.215
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		98.280.694	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.841.107.476	32.157.484.798
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	106.121.748.000	120.594.067.317
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		567.963.683	991.391.063
330	II. Nợ dài hạn		1.304.321.650	441.806.940
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	310.560.130	441.806.940
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	993.761.520	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		459.284.976.499	452.284.769.613
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	459.284.976.499	452.284.769.613
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		17.467.647.208	16.205.646.067
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.505.604.521	25.413.125.043
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		2.312.022.077	173.102.225
421b	LNST chưa phân phối năm nay		28.192.982.444	25.240.022.818
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		34.925.724.770	24.279.998.503
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		738.796.477.780	737.976.809.397



Lý Lê Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	898.010.402.122	873.169.253.283
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	10.137.090
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		898.010.402.122	873.159.116.193
11	4. Giá vốn hàng bán	25	870.131.852.703	832.462.061.865
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.878.549.419	40.697.054.328
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	88.078.735.248	103.990.422.476
22	7. Chi phí tài chính	27	2.095.288.647	4.128.979.075
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.597.356.911	3.954.800.731
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(231.752.487)	57.614.299
25	9. Chi phí bán hàng	28	16.218.414.052	17.070.651.265
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	71.578.805.528	97.052.422.161
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.833.023.953	26.493.038.602
31	12. Thu nhập khác		3.882.997.623	6.347.879.992
32	13. Chi phí khác		555.851.924	6.780.315.197
40	14. Lợi nhuận khác		3.327.145.709	(432.435.205)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.160.169.662	26.060.603.397
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	371.460.951	10.162.874
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.838.708.711</u>	<u>26.050.440.523</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		28.192.982.444	25.240.022.818
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		645.726.267	810.417.705
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	730	653





Lý Lê Ninh
 Người lập

Hoàng Minh Đức
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.160.169.662	26.060.693.397
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.618.092.722	7.632.904.117
03	- Các khoản dự phòng		43.825.615.992	70.425.710.198
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.304.612	9.030.428
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(87.476.722.465)	(104.041.043.320)
06	- Chi phí lãi vay		1.507.356.911	3.954.800.731
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.353.182.566)	4.042.005.351
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(55.602.893.821)	(83.456.750.807)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.689.500.690	132.024.253.733
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.686.406.418	(367.419.846)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.499.451.773)	3.109.404.881
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.645.511.755)	(3.633.639.855)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		107.638.084	81.200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.050.267.289)	(882.361.865)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.667.762.012)	50.946.671.592
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.366.624.105)	(192.162.916)
22	2. Tiền từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		43.636.363	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(81.547.243.522)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		87.664.838.589	72.283.169.837
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.794.605.325	72.191.006.921
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		121.162.018.010	104.093.160.125
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(134.640.575.807)	(190.789.061.491)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.146.104.900)	(14.340.924.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.624.662.697)	(101.036.826.166)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(84.497.819.384)	22.100.852.347
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		124.655.804.185	102.554.012.448
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.304.612)	939.390
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>40.145.680.189</u>	<u>124.655.804.185</u>


Lý Lê Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-ĐKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-ĐKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn: Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Trang Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu,
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tính đến hết năm 2016, các công trình xây lắp với giá trị lớn của Công ty đều đã thực hiện xong và trung giai đoạn chờ quyết toán. Trong năm 2017, Công ty có phát sinh hoạt động xây lắp chung lợi đồng ký được đều là các hợp đồng với giá trị không lớn nên doanh thu từ hoạt động xây lắp sụt giảm mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang là một trong các bên cung cấp thép cho dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh; do dự án đang trong quá trình triển khai gấp rút nên công ty phải cung cấp lượng hàng lớn cho dự án, chính vì vậy doanh thu hoạt động thương mại của Công ty năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì nhân sự của Công ty chiếm 4/5 vị trí trong Hội đồng Quản trị, Trưởng ban kiểm soát cũng là người của Công ty nên Công ty có toàn quyền chỉ phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán như: quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại,
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phải loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch,
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phải loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các tương tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu kho đối theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc ban gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Du phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý 03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất 04 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh (ương hiệu) phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phải bỏ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán bằng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, kânân doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. .

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/...).

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính kinh phí chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp định giá công việc hoàn thành

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KÙI

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.581.601.454	2.182.873.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.476.078.735	51.757.687.342
Các khoản tương đương tiền	20.088.000.000	70.715.245.522
	<u>40.145.680.189</u>	<u>124.655.804.185</u>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà: Bà Trưng với lãi suất 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trường Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31/12/2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,9%/năm.

b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017				01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Đầu khi Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	672.340.926	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	904.093.413
				<u>672.340.926</u>				<u>904.093.413</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trang Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cầu nắm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(3.436.887.831)	189.168.719.573	(3.262.399.186)
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	(680.534.599)	841.102.790	(680.534.599)
- Công ty CP PFC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ứô SFIOWA Việt Nam	36.573.137.983	-	36.573.137.983	-
- Công ty CP Đông môi và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(740.303.232)	3.621.000.000	(565.814.587)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoà Đức, Hà Nội (*)	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	189.168.719.573	(3.436.887.831)	189.168.719.573	(3.262.399.186)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã mua chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần IMICO với mục đích gắn từ công nợ. Các cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty. Ban Giám đốc dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Trú, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và loại đồng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Huạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước đá
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	Thành phố Hà Nội	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty CP PECO Hà Nội	Thành phố Hà Nội	6,00%	6,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu Khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	56.305.253.124	66.356.264.728
- Công ty CP kết cấu kim loại & lắp máy Dầu khí	31.992.941.148	-
- Ban quản lý dự án hỗ trợ y tế các tỉnh ĐBB và ĐBSH	28.957.048.837	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu Khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087
- Các khoản phải thu khách hàng khác	219.483.535.897	217.230.876.196
	<u>482.604.814.749</u>	<u>429.433.176.667</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>32.275.317.702</u>	<u>20.461.906.388</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kết cấu thép & Xây dựng Phan Kha	1.822.627.020	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	435.936.522	-	1.147.088.181	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại & Dịch vụ Phú Hồng Phong	302.802.900	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.261.715.937	(918.895.664)	2.077.200.786	(918.895.664)
	<u>5.843.072.379</u>	<u>(918.895.664)</u>	<u>3.224.288.967</u>	<u>(918.895.664)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	2.398.186.880	-	2.556.018.300	-
Ký cược, ký quỹ	590.868.033	-	15.971.941	-
Phải thu khác	2.613.685.936	(2.252.669.095)	2.867.093.327	(2.262.669.095)
	<u>5.602.743.849</u>	<u>(2.252.669.095)</u>	<u>5.439.083.568</u>	<u>(2.262.669.095)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.495.690.825	-	1.495.896.250	-
	<u>1.495.690.825</u>	<u>-</u>	<u>1.495.896.250</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	454.407.633	-	379.847.957	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.917.879.442	-	19.959.726.373	-
Hàng hoá	28.207.202.966	(182.400.000)	35.919.416.401	(182.400.000)
	<u>48.579.490.041</u>	<u>(182.400.000)</u>	<u>57.268.990.731</u>	<u>(182.400.000)</u>

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho ÷ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 366.781.347 đồng.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ ĐANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án Trung tâm ô tô Daesco Huế (*)	1.366.624.105	-
	<u>1.366.624.105</u>	<u>-</u>

(*) Thông tin chi tiết của Dự án:

- Tên Dự án: Xây dựng Trung tâm ô tô Daesco Huế
- Địa điểm xây dựng: Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Mục đích đầu tư: Kinh doanh ô tô Mitsubishi
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
- Thời gian triển khai: Quý III năm 2017
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý I năm 2018
- Đến thời điểm 31/12/2017, Dự án đã hoàn thành một phần của hạng mục xây dựng móng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thụ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**10 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽¹⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽²⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500
Các đối tượng khác	27.808.527.493	99.356.927.414	130.678.527.493	102.025.147.772
	279.280.655.736	250.829.055.657	282.150.655.736	253.497.276.015

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên định giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy, Ban Giám đốc Công ty vẫn trích lập một phần dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ kể trên (xem thuyết minh số 08)."

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền: 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thuê chấp quyết, đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện đòi thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà liên quan đến khoản công nợ này. Do đó, khoản công nợ này là tài sản đảm bảo cho khoản vay PVCombank theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM - NH/TDII ngày 04/04/2011 mà Công ty đang trình bày trên khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền 80.886.978.000 đồng. Căn cứ theo các điều trên, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ và trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ này với số tiền 70.705.611.812 đồng.

(2): Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tầng 14, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(70.705.511.813)	96.856.865.495	(29.057.059.649)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty TNHH Thành Đức	20.394.119.114	(20.394.119.114)	21.344.119.114	(21.344.119.114)
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu D&T	15.485.149.669	(15.485.149.669)	16.985.149.669	(16.985.149.669)
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí JMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(10.767.061.261)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	(8.067.090.760)	8.067.090.760	(8.067.090.760)
Công ty TNHH Vạn Phúc	7.252.098.347	(7.252.098.347)	7.462.098.347	(7.462.098.347)
Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	(5.606.092.500)	5.606.092.500	(5.606.092.500)
Các đối tượng khác	76.610.069.603	(26.012.322.790)	42.709.932.896	(25.964.102.432)
	279.280.655.736	(207.531.555.239)	248.040.519.029	(158.880.427.892)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Tru, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỒI HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	17.749.925.584	433.700.000	433.700.000	7.944.371.767	836.074.535	26.964.071.886				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(180.632.396)	(194.393.152)	(375.025.548)				
Số dư cuối năm	17.749.925.584	433.700.000	433.700.000	7.763.739.371	641.681.383	26.589.046.338				
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	7.316.032.441	146.399.995	146.399.995	7.393.744.851	630.774.888	15.486.952.175				
- Khấu hao trong năm	932.594.136	39.999.995	39.999.995	408.915.003	52.345.212	1.433.854.348				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(180.632.396)	(194.393.152)	(375.025.548)				
Số dư cuối năm	8.248.626.577	186.399.990	186.399.990	7.623.027.460	488.726.948	16.545.780.975				
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	10.433.893.143	287.300.005	287.300.005	550.626.916	205.299.647	11.477.119.711				
Tại ngày cuối năm	9.501.299.007	247.300.010	247.300.010	141.711.911	152.964.435	10.043.265.363				

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.428.294.795 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.325.881.108 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.682.424.564	913.245.000	25.595.669.564
- Thanh lý, nhượng bán	-	(365.000.000)	(365.000.000)
Số dư cuối năm	<u>24.682.424.564</u>	<u>548.245.000</u>	<u>25.230.669.564</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	913.245.000	913.245.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(365.000.000)	(365.000.000)
Số dư cuối năm	-	<u>548.245.000</u>	<u>548.245.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>24.682.424.564</u>	-	<u>24.682.424.564</u>
Tại ngày cuối năm	<u>24.682.424.564</u>	-	<u>24.682.424.564</u>

Quyền sử dụng đất không có thời hạn gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, quận Hai Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m²;
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, quận Hai Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m²;
- Khu tại số 5 Cựm 4, phường Khuang Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.494.437.671	17.273.980.611
- (Chấu hao trong năm	-	119.056.908	119.056.908
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.613.494.579</u>	<u>17.393.037.519</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	271.642.329	271.642.329
Tại ngày cuối năm	-	<u>152.585.421</u>	<u>152.585.421</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và đất tại Bãi Trám, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 38 Trưng Thi, Phường Hùng Trưng,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	101.316.980	54.558.275
Phi dịch vụ	531.818.182	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.640.940	1.500.000
	699.776.102	56.058.275
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.986.324	111.524.692
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	733.081.458	324.958.668
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	27.653.200	31.474.928
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng của Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	8.637.401.194	11.382.746.529
Tiền thuê đất	3.000.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	259.053.625	190.137.038
	41.341.509.722	40.485.775.776

(*) Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	8.260.725.866	10.325.907.332
	8.260.725.866	10.325.907.332

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ban quản lý dự án 45-Tổng cục kỹ thuật	2.910.590.000	-
Các đối tượng khác	1.863.950.904	1.653.688.743
	4.774.540.904	1.653.688.743

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế (PC	54.708.667.193	54.708.667.193	79.473.263.232	79.473.263.232
- Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	45.189.063.690	45.189.063.690	-	-
- Công ty TNHH Thành An - Hà Nội	16.117.944.150	16.117.944.150	-	-
- Công ty CP vật tư và Thiết bị Toàn Cầu	4.069.664.080	4.069.664.080	2.451.039.719	2.451.039.719
- Công ty CP Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560
- Công ty Cổ phần tư vấn mại Linh Ngân	3.704.714.640	3.704.714.640	1.597.242.240	1.597.242.240
- Phải trả các đối tượng khác	31.752.933.226	31.752.933.226	26.853.530.265	26.853.530.265
	158.332.079.539	158.332.079.539	113.164.168.006	113.164.168.006
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	-	-	346.916.639	346.916.639

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trảng Thới, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải: đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		1.411.094.139		2.958.812.576		4.239.791.317		130.115.698				
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-		32.672.596		32.672.596		-				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		505.559.776		321.460.951		-		184.098.825				
Thuế Thu nhập cá nhân		-		1.264.963.883		1.415.166.928		26.714.185				23.326.186
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		135.000.000		850.389.389		6.426.173.089		7.276.562.478				135.000.000
Các loại thuế khác		-		3.715.469.624		10.000.000		3.725.469.624				-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-		561.495.782		290.729.105		322.850.862				1.166.547
		<u>640.559.776</u>		<u>6.685.264.280</u>		<u>11.304.812.200</u>		<u>17.012.513.805</u>				<u>346.979.557</u>
												<u>683.982.456</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngân hàng		
- Kinh phí công đoàn	272.254.598	255.721.693
- Bảo hiểm xã hội	-	161.363.186
- Bảo hiểm y tế	-	27.784.138
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	12.348.117
Phải trả về cổ phần hoá	-	21.429.137.266
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.248.819.978	3.075.624.878
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	320.032.900	7.195.505.520
	<u>2.841.107.476</u>	<u>32.157.484.798</u>

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	310.560.130	441.806.940
	<u>310.560.130</u>	<u>441.806.940</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trưng Thị, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	119.524.002.317	119.524.002.317	120.168.256.490	134.450.900.807	105.241.358.000	105.241.358.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	11.096.494.317	11.096.494.317	-	11.096.494.317	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (P.Vcombank) (1)	92.886.978.000	92.886.978.000	-	12.000.000.000	80.886.978.000	80.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	9.670.766.490	9.670.766.490	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (2)	12.990.530.000	12.990.530.000	109.497.490.000	101.283.640.000	21.204.380.000	21.204.380.000
- Vay cá nhân (3)	2.550.000.000	2.550.000.000	1.000.000.000	400.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
- Vay cá nhân (4)	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
	120.594.067.317	120.594.067.317	120.168.256.490	134.640.575.807	106.121.748.000	106.121.748.000
b) Vay dài hạn						
- Vay cá nhân (4)	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (5)	-	-	993.761.520	-	993.761.520	993.761.520
	1.070.065.000	1.070.065.000	993.761.520	189.675.000	1.874.151.520	1.874.151.520
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.070.065.000)	(1.070.065.000)	-	(189.675.000)	(880.390.000)	(880.390.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	993.761.520	993.761.520



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCĐK-TTGD110 ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 80.886.978.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.
- (2) Hợp đồng tín dụng số HĐTD 87/2017VCB-KHĐN ngày 13/09/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 35 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 21.204.380.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được bảo đảm bằng bất động sản và động sản của bên vay theo các hợp đồng thế chấp số 35/2011/VCB - ĐN ngày 04/05/2011; hợp đồng thế chấp số 90/2010/VCB - ĐN ngày 20/09/2012; hợp đồng thế chấp số 162/2012/VCB - ĐN ngày 20/09/2012; hợp đồng thế chấp số 162/2012/VCB - ĐN.
- (3) Các khoản vay cá nhân với lãi suất từ 10%/năm đến 13%/năm, mục đích bổ sung vốn kinh doanh cho việc cung cấp thép xây dựng cho các công trình và mua vật tư phục vụ các gói thầu của nhà xây dựng, đạm Cà Mau. Thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày nhận nợ và không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Các khoản vay cá nhân, lãi suất 5% - 6%/năm. Tổng số dư vay là 880.390.000 đồng, trong đó số dư nợ đến hạn trả là 880.390.000 đồng.
- (5) Hợp đồng tín dụng số HĐTD 96/2017VCB-KHĐN ngày 06/10/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức vay: 11,5 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất 8%/năm cố định trong thời hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản lãi: ngân sau ngày 31/03/2018 và các khoản dư nợ sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định. Lãi suất cho vay là lãi suất cơ sở cộng margin. Lãi suất cơ sở là lãi suất buy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng do bên vay công bố điều chỉnh 01 quý 01 lần;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 429, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 65/2017/VCB - ĐN ký ngày 06/10/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai số 61/2017/VCB - ĐN ký ngày 09/10/2017;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 993.761.520 đồng; trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	
Số dư đầu năm trước	386.386.000,000		15.284.101,624		18.431.081,412		23.429.476,796		443.530.659,832
Lãi trong năm trước	-		-		25.240.022,818		810.417,705		26.050,440,523
Phân phối lợi nhuận	-		921.554,071		(18.220.102,212)		-		(17.298,548,141)
Điều chỉnh do hợp nhất	-		(9.628)		(37.876,975)		40.104,002		2.217,399
Số dư cuối năm trước	386.386.000,000		16.205.646,067		25.413.125,043		24.279.998,503		452.284.769,613
Số dư đầu năm nay	386.386.000,000		16.205.646,067		25.413.125,043		24.279.998,503		452.284.769,613
Lãi trong năm nay	-		-		28.192.982,444		645.726,267		28.838.708,711
Phân phối lợi nhuận	-		1.262.001,141		(23.100,502,966)		-		(21.838,501,825)
Số dư cuối năm nay	386.386.000,000		17.467.647,208		30.505.604,521		24.925.724,770		459.284.976,499

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2017, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	25.240.022,818
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	1.262.001,141
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	2.019.201,825
Trích Quỹ thương bản điều hành	1,98%	500.000,000
Chi trả cổ tức (bảng 3% với điều lệ)	76,54%	19.319.300,000
Lợi nhuận chưa phân phối	8,48%	2.139.519,852

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	51,58%	199.314.300.000	51,58%	199.314.300.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	15,58%	60.192.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Nhật Định	5,77%	22.278.600.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	27,07%	104.601.100.000	48,42%	187.071.700.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.319.300.000	15.455.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.319.300.000	15.455.440.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.467.647.207	16.205.646.067
	17.467.647.207	16.205.646.067

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	51.156.113	51.156.113

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.275,68	4.183,42

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
	15.112.292.483	15.112.292.483

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	860.539.428.957	666.301.266.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.951.738.165	25.818.008.161
Doanh thu hợp đồng xây lắp	8.519.235.000	181.049.978.689
	<u>898.010.402.122</u>	<u>873.169.253.283</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>62.838.494.181</u>	<u>26.164.422.606</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	840.419.047.737	653.935.246.138
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.362.325.386	20.630.626.494
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	8.350.479.600	157.896.189.183
	<u>870.131.852.703</u>	<u>832.462.061.865</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.837.870.406	3.870.343.049
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	415.084.601	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.826.968.183	100.113.086.172
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	812.058	6.060.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	933.255
	<u>88.078.735.248</u>	<u>103.990.422.476</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.507.356.911	3.954.800.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	166.751	13.721.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	12.304.612	9.963.683
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	174.488.645	(19.938.492)
Chi phí tài chính khác	400.971.728	170.431.509
	<u>2.095.288.647</u>	<u>4.128.979.075</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.373.839	103.180.200
Chi phí nhân công	5.941.403.688	7.308.307.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.876.596	237.279.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.754.923.066	5.855.595.250
Chi phí khác bằng tiền	5.082.836.863	3.566.288.869
	16.218.414.052	17.070.651.265

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.558.500	647.302.619
Chi phí nhân công	14.228.067.971	12.150.881.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.031.064	710.366.622
Tàu, phí, lệ phí	95.649.941	111.051.092
Chi phí dự phòng	43.651.127.347	76.445.648.690
Phân bổ Lợi thế thương mại	2.055.181.466	2.066.068.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.961.692.296	4.916.359.086
Chi phí khác bằng tiền	6.381.496.943	6.004.743.792
	71.578.805.528	97.052.422.161

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	321.460.951	10.162.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(505.559.776)	(515.722.650)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trung năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(184.098.825)	(505.559.776)

31 . LỢI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lợi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	28.192.982.444	25.240.022.818
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28.192.982.444	25.240.022.818
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.638.600	38.638.600
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	730	653

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, vì vậy Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29.

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	40.145.680.189	-	124.635.804.183	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	489.701.249.423	(201.612.659.575)	436.368.156.485	(157.961.532.228)
Các khoản cho vay	81.547.245.522	-	-	-
	<u>613.396.175.134</u>	<u>(201.612.659.575)</u>	<u>561.033.960.670</u>	<u>(157.961.532.228)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			107.115.509.520	120.594.067.317
Phải trả người bán, phải trả khác			161.483.747.145	145.763.459.744
Còn phải trả			1.276.924.168	7.192.040.215
			<u>269.876.180.833</u>	<u>273.549.567.276</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được được biến bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.145.680.189	-	-	40.145.680.189
Phải thu khách hàng, phải thu khác	285.594.899.023	1.495.690.825	-	288.090.589.848
Các khoản cho vay	83.547.245.522	-	-	83.547.245.522
	<u>410.187.824.734</u>	<u>1.495.690.825</u>	<u>-</u>	<u>411.783.515.559</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.655.804.185	-	-	124.655.804.185
Phải thu khách hàng, phải thu khác	276.910.728.007	1.495.896.250	-	278.406.624.257
	<u>401.566.532.192</u>	<u>1.495.896.250</u>	<u>-</u>	<u>403.062.428.442</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	106.121.748.000	993.761.520	-	107.115.509.520
Phải trả người bán, phải trả khác	161.173.187.015	310.580.130	-	161.483.767.145
Chi phí phải trả	1.276.924.168	-	-	1.276.924.168
	268.571.859.183	1.304.321.650	-	269.876.180.833
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	120.594.067.317	-	-	120.594.067.317
Phải trả người bán, phải trả khác	145.321.652.804	441.806.940	-	145.763.459.744
Chi phí phải trả	7.192.040.215	-	-	7.192.040.215
	273.107.760.336	441.806.940	-	273.549.567.276

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		62.838.494.181	26.164.422.606
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	42.461.901.357	12.615.086.410
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	7.533.217.122	12.466.630.938
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty mẹ	1.705.303.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ	11.040.399.000	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	96.673.702	82.705.258
Mua hàng hóa, dịch vụ		929.553.932	1.390.939.177
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	929.553.932	1.390.939.177

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		32.275.317.702	20.461.906.388
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	-	13.876.595.051
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	25.150.258.552	6.585.311.337
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty mẹ	1.876.933.300	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ	5.266.765.850	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	41.360.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		-	346.916.639
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	346.916.639

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu phạt của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.976.455.221	3.106.877.596
- Trong đó: Thu nhập của Giám đốc	589.745.890	459.872.120

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thị, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
_____ Lý Lệ Ninh Người lập	_____ Hoàng Minh Đức Kế toán trưởng	_____ Nguyễn Đình Trung Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

